

UBND TỈNH BẾN TRE
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 703 /SGD&ĐT-GDTrH
V/v tổ chức kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế
theo chương trình chuẩn Cambridge cho
học sinh Tiểu học, Trung học tại Bến Tre

Bến Tre, ngày 12 tháng 6 năm 2012

Kính gửi:

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường Trung học phổ thông.

Theo công văn số 408/SGD&ĐT-GDTrH ngày 21 tháng 03 năm 2012 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức kỳ thi lấy chứng chỉ quốc tế theo chương trình chuẩn Cambridge, Sở GD&ĐT thông báo đến các phòng GD&ĐT, các trường THPT thời gian, địa điểm tổ chức cuộc thi như sau:

- **Thời gian:** 01 ngày (16 tháng 6 năm 2012)

Cấp độ	Thời gian	Môn Thi	Ghi chú
STARTERS	Buổi sáng (8.30-11.00)	Nghe, Nói, Đọc, Viết	Thí sinh khi đi thi phải mang: - Thẻ dự thi - 02 bút chì B2 - 01 hộp bút chì màu (loại 12 màu) - 01 cục tẩy (gôm) - Thí sinh có mặt trước thời gian thi trước thời gian quy định 30 phút
MOVERS	Sáng (từ 7:00-11.30)	Nghe, Đọc, Viết	
	Chiều (từ 13.30-5.00)	Nói	
FLYERS	Sáng (từ 10:30-12.00)	Nói (FLYERS 4)	
	Chiều (từ 13.30-5.00)	Nghe, Đọc, Viết	
KET	Sáng (từ 8:00-11.30)	Nói	Thí sinh khi đi thi phải mang: - Thẻ dự thi - 02 bút chì B2 - 01 cục tẩy (gôm) - Thí sinh có mặt trước thời gian thi trước thời gian quy định 30 phút
	Chiều (từ 13.30-5.00)	Nghe, Đọc, Viết	
PET	Sáng (từ 9:00-12.00)	Nghe, Đọc, Viết	
	Chiều (từ 13.30-5.00)	Nói	

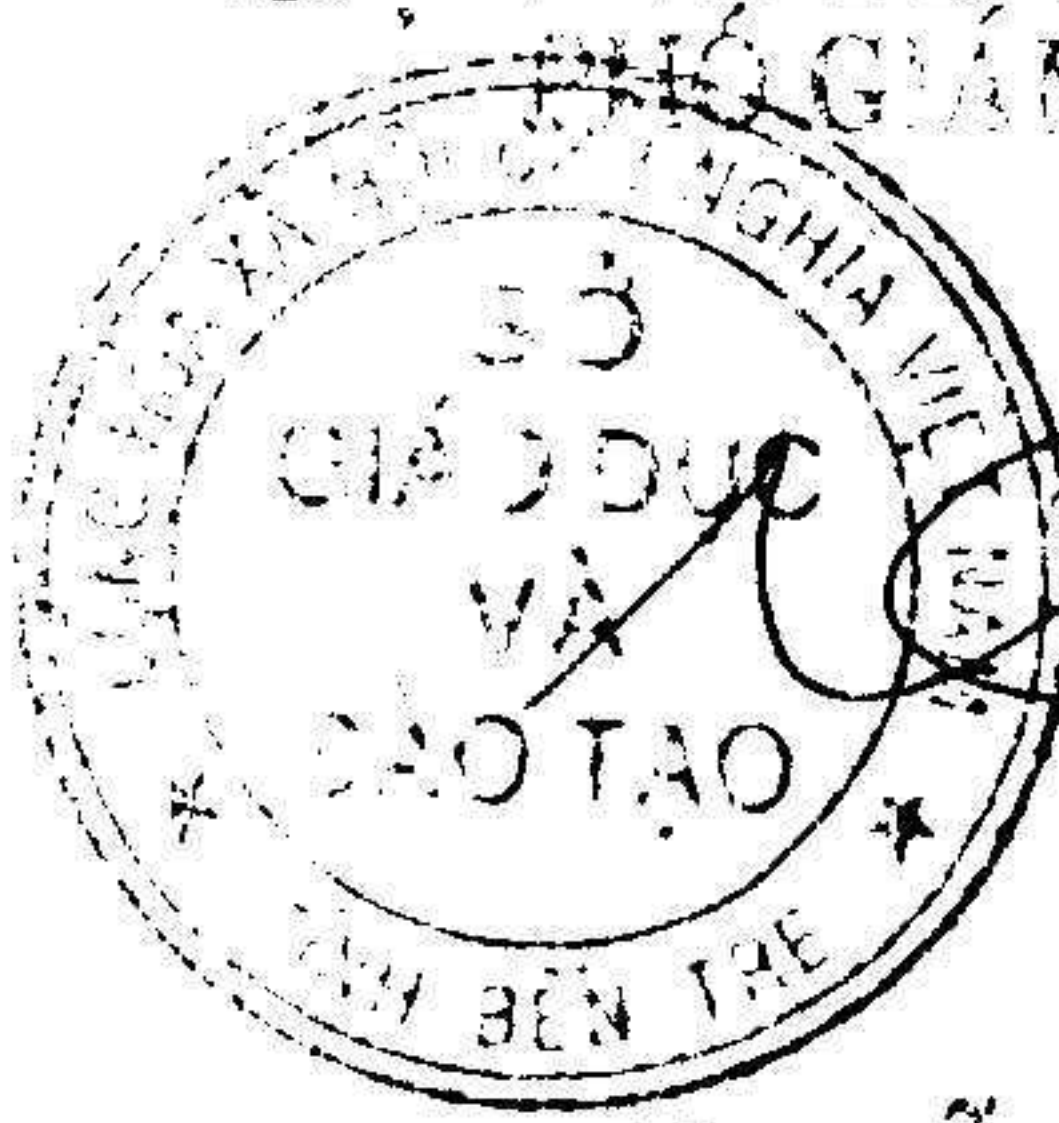
- **Địa điểm:** Trường PTPT Lạc Long Quân. Địa chỉ: Số 2, đường Ngô Quyền, Phường 3, thành phố Bến Tre.

- Đối tượng dự thi: học sinh phổ thông và giáo viên (*Danh sách đính kèm*).

Nhận được công văn này, các Phòng GD&ĐT, các trường THPT thông báo đến giáo viên, học sinh có tên trong danh sách biết để tham gia kỳ thi đúng thời gian quy định. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH.

105 **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huân

DANH SÁCH THÍ SINH THI STARTERS - 16/06/2012

(Đính kèm công văn số 1032/SGD&ĐT-GDTrH ngày 12 tháng 6 năm 2012)

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	7:15 - 8:05	8:10 - 8:55
Phòng thi:	Starters 1	Speaking Room 3,4

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0118	Hồ Thị Phương Anh	08/11/2003
0119	Khổng Thị Thủy Tiên	18/10/2003
0120	Hà Khả Ái	29/07/2003
0121	Dương Nguyễn Phương Quỳnh	27/11/2003
0122	Trần Thùy Dương	23/11/2003
0123	Trần Phát Huy	31/05/2003
0124	Đặng Nguyễn Phương Vy	19/02/2003
0125	Nguyễn Đăng Khoa	24/04/2003
0126	Trần Thị Ngọc Nhung	25/03/2003
0127	Lê Bích Quân	11/04/2003
0128	Mai Kim Ngân	19/06/2003
0129	Cao Phan Bảo Ngân	23/06/2003
0130	Nguyễn Xuân Thảo	02/02/2004
0131	Hà Quang Nhật	06/10/2003
0132	Hồ Thúy An	20/04/2003
0133	Hạ Huỳnh Băng Tâm	09/02/2003
0134	Nguyễn Phương Lan	03/10/2003
0135	Trần Đình Khôi	04/10/2003
0136	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	22/08/2003
0137	Quách Lâm Anh	23/03/2003

DANH SÁCH THÍ SINH THI STARTERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	7:15 - 8:05	8:55 - 9:45
Phòng thi:	Starters 2	Speaking Room 3,4

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0138	Nguyễn Trang Anh Thư	05/10/2003
0139	Nguyễn Hoàng Long	14/05/2001
0140	Nguyễn Thị Tú Nhã	08/02/2003
0141	Lê Gia Mẫn	17/09/2001
0142	Trần Vũ Ngọc Nhạ	23/01/2003
0143	Bùi Giáng My	06/05/2003
0144	Nguyễn Thị Mỹ Phương	10/04/2003
0145	Võ Huỳnh Mỹ Ngọc	13/01/2003
0146	Lâm Thiện Hoa	10/01/2003
0147	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	21/08/2001
0148	Nguyễn Tiến Phúc	11/04/2003
0149	Bùi Quang Vinh	23/10/2003
0150	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	11/03/2003
0151	Nguyễn Phạm Mai Thảo	05/11/2003
0152	Trần Lê Thảo Ngân	09/11/2003
0153	Nguyễn Ngọc Thúy An	10/10/2003
0154	Nguyễn Ngọc An	24/08/2003
0155	Võ Khánh Duyên	24/11/2003
0156	Trần Trọng Liêm	15/08/2003
0157	Lê Gia Hân	06/01/2003

DANH SÁCH THÍ SINH THI STARTERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	7:15 - 8:05	9:45 - 10:35
Phòng thi:	Starters 3	Speaking Room 3,4

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0158	Nguyễn Ngọc Cẩm Tiên	01/04/2003
0159	Nguyễn Trần Xuân Thế	01/07/2003
0160	Ngô Nguyễn Khánh Châu	10/09/2003
0161	Trần Lương Nguyệt Quế	17/06/2003
0162	Lê Ngọc Thảo Uyên	18/03/2003
0163	Nguyễn Phúc Minh Quân	23/12/2003
0164	Nguyễn Lê Thanh Tâm	06/04/2003
0165	Đoàn Khả Hân	11/11/2003
0166	Lương Gia Hưng	17/03/2003
0167	Hồ Khánh Hưng	15/01/2003
0168	Tạ Thanh Trúc	04/08/2003
0169	Nguyễn Đăng Khoa	12/10/2003
0170	Trần Thảo Nhi	22/06/2003
0171	Nguyễn Phạm Anh Thư	02/07/2003
0172	Bùi Cao Hạnh Tiên	12/07/2003
0173	Đặng Trần Thảo Vy	23/06/2003
0174	Trần Thiện Nhân	30/10/2003
0175	Nguyễn Tùng Gia Khang	18/05/2003
0176	Bùi Trần Hoàng Thái	11/09/2003
0177	Phạm Phan Như Ý	15/06/2003

DANH SÁCH THÍ SINH THI STARTERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	7:15 - 8:05	10:35 - 11:00
Phòng thi:	Starters 4	Speaking Room 3,4

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0178	Phạm Nguyễn Huyền Như	20/10/2003
0179	Lý Tường Vy	06/01/2003
0180	Võ Anh Thư	24/02/2003
0181	Lê Châu Trúc Giang	08/07/2003
0182	Dương Quốc Thái	12/03/2003
0183	Dương Huỳnh Huyền Vi	28/03/2003
0184	Nguyễn Phong Vinh	02/12/2003
0185	Trần Yến Trang	03/02/2003
0186	Đoàn Minh Phương	03/10/2003
0187	Trần Lê Phúc Vinh	11/11/2003
0188	Lê Minh Nhựt	12/04/2003
0189	Thi Hồng Nhựt	24/04/2003

DANH SÁCH THÍ SINH THI MOVERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	8:20 - 9:25	9:40 - 10:45
Phòng thi:	Movers 1	Speaking Room 2,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0190	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	16/02/2002
0191	Trần Ngọc Minh Châu	29/05/2001
0192	Đỗ Sĩ Quý	26/09/2001
0193	Ngô Nguyễn Thái Bảo	01/01/2000
0194	Ngô Hoàng Lam	07/05/2001
0195	Hồ Hoàng Tuấn	03/08/2001
0196	Nguyễn Ngọc Hồng Vy	14/12/2001
0197	Trương Minh Thư	14/04/2003
0198	Phạm Trần Tường Vi	17/01/2002
0199	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	02/11/2002
0200	Võ Thị Minh Ngọc	08/05/2002
0201	Bùi Kim Thảo Vy	04/07/2002
0202	Huỳnh Lê Mỹ Duyên	28/11/2001
0203	Ngô Nguyễn Tâm Như	15/03/2001
0204	Nguyễn Văn Lợi	15/02/2002
0205	Lê Huỳnh Hạnh Dung	12/08/2002
0206	Nguyễn Đặng Trường Giang	05/01/2002
0207	Lê Thị Minh Anh	05/07/2002
0208	Đặng Tạ Kim Ngân	07/11/2002
0209	Ngô Ngọc Kim Chi	10/08/2002

DANH SÁCH THÍ SINH THI MOVERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	8:20 - 9:25	13:30 - 14:00
Phòng thi:	Movers 2	Speaking Room 2,3,4,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0210	Trương Nhật Vy	23/10/2002
0211	Phạm Hào Khang	03/01/2002
0212	Phan Ngọc Thịnh	16/04/2002
0213	Huỳnh Ngọc Thanh Thảo	26/09/2002
0214	Phan Nguyễn Bảo Ngân	05/10/2002
0215	Hồ Nhã Quyên	06/03/2001
0216	Nguyễn Quốc Vinh	03/01/2002
0217	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	14/08/2002
0218	Lương Hưng Thịnh	11/03/2001
0219	Thượng Công Thành	09/09/2001
0220	Cao Thị Yến Linh	24/09/2002
0221	Nguyễn Thắm Thúy Hằng	05/08/2002
0222	Nguyễn Trang Anh	16/09/2002
0223	Trần Công Minh Sang	17/11/2002
0224	Nguyễn Huỳnh Trọng Khải	16/07/2002
0225	Phạm Cát Sơn	12/09/2002
0226	Nguyễn Mai Thi	02/01/2003
0227	Hồ Thị Phương Thảo	17/11/2002
0228	Phan Minh Tuệ	12/12/2002
0229	Nguyễn Duy Mẫn	16/08/2001

DANH SÁCH THÍ SINH THI MOVERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	8:20 - 9:25	14:00 - 14:30
Phòng thi:	Movers 3	Speaking Room 2,3,4,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0230	Võ Đình Nhật Huy	20/03/2001
0231	Phan Thị Thanh Trúc	31/08/2002
0232	Phạm Gia Linh	06/06/2002
0233	Vương Tấn Lộc	10/06/2003
0234	Nguyễn Duy	29/01/2002
0235	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	05/03/2003
0236	Hồ Ngọc Khánh	16/02/2003
0237	Trần Lâm Minh Nguyệt	08/06/2002
0238	Nguyễn Đức Huy	25/10/2001
0239	Nguyễn Chí Khanh	20/12/2002
0240	Trần Đình Quốc Khánh	01/09/2002
0241	Nguyễn Ái Bình	28/09/2002
0242	Hồ Lê Thiên Lý	09/05/2002
0243	Bùi Lê Tâm Như	03/01/2001
0244	Nguyễn Trịnh Vân Anh	16/04/2001
0245	Nguyễn Bá Nhật Tài	27/06/2002
0246	Trịnh Khánh Duy	14/08/2003
0247	Nguyễn Ngọc Phương Thư	20/03/2003
0248	Nguyễn Hạ Thi Thi	30/06/2003
0249	Đoàn Trọng Nhân	05/11/2001

DANH SÁCH THÍ SINH THI MOVERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	8:20 - 9:25	14:30 - 15:00
Phòng thi:	Movers 4	Speaking Room 2,3,4,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0250	Tina	10/05/2003
0251	Vương Ngọc Nhi	04/05/2002
0252	Vương Thảo Lam	05/12/2002
0253	Hà Tâm Anh	20/05/2002
0254	Hà Thảo Anh	06/08/2003
0255	Lê Bình Phương Nam	25/04/2002
0256	Nguyễn Lê Phương Nghi	28/09/2002
0257	Nguyễn Huỳnh Như	25/01/2002
0258	Bùi Kiệt Tường	07/01/2002
0259	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	27/01/2002
0260	Mai Nguyễn Trúc Quỳnh	14/12/2002
0261	Lê Quang Đăng	03/01/2002
0262	Nguyễn Võ Quỳnh Trâm	09/01/2002
0263	Trương Nguyên Trung	11/03/2001
0264	Cao Hiền Long	19/03/2000
0265	Nguyễn Hoàng Vy Thảo	15/06/2001
0266	Trần Phương Anh	16/02/2001
0267	Tạ Thị Mỹ Tiên	21/01/2001
0268	Quản Trọng Nguyên	7/04/2001
0269	Kim Thị Ngân Hà	17/03/2001

DANH SÁCH THÍ SINH THI MOVERS - 16/06/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	8:20 - 9:25	10:45 - 11:30
Phòng thi:	Movers 5	Speaking Room 2,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

[illegible]

DANH SÁCH THÍ SINH THI FLYERS - 17/03/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	13:30 - 14:45	15:00 - 15:40
Phòng thi:	Flyers 1	Speaking Room 2,3,4,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0284	Trần Bảo Trâm	08/12/1999
0285	Trần Huyền Thanh	27/05/1999
0286	Nguyễn Nhật Vy	01/01/2001
0287	Huỳnh Nhật Quang	02/01/2001
0288	Mai Nguyễn Kim Thư	20/09/2001
0289	Hồ Ngọc Vân Anh	17/01/2001
0290	Trần Thị Thúy Hằng	21/01/2001
0291	Nguyễn Thị Minh Thư	05/01/2001
0292	Nguyễn Nhật Duy	20/02/2001
0293	La Thị Anh Thơ	17/05/2001
0294	La Thị Anh Thư	17/05/2001
0295	Đặng Huỳnh Ngân	21/09/2001
0296	Trần Lê Hồng Nhung	05/06/2000
0297	Cáp Thành Long	16/09/2000
0298	Phạm Tiến Lộc	15/02/2000
0299	Bùi Thị Thủy Tiên	03/03/2000
0300	Nguyễn Huỳnh Yến Linh	08/08/2002
0301	Phan Thanh Đại Dương	25/04/2001
0302	Nguyễn Thảo Ngân	15/01/2002
0303	Nguyễn Trần Minh Trung	14/08/2001

DANH SÁCH THÍ SINH THI FLYERS - 17/03/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	13:30 - 14:45	15:40 - 16:20
Phòng thi:	Flyers 2	Speaking Room 2,3,4,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0304	Hồ Mỹ Ngọc	24/09/2001
0305	Lương Minh Trí	01/03/2001
0306	Ngô Minh Thi	08/02/2001
0307	Đặng Ngọc Phương Uyên	22/03/2001
0308	Trần Ngọc Hân	12/11/2001
0309	Trần Thị Thiên Nga	28/01/2001
0310	Tăng Ngọc Trí	15/01/2001
0311	Trà Trọng Dĩnh	20/01/2001
0312	Tăng Ngọc Phương Trâm	07/08/2001
0313	Nguyễn Ngọc Phương Anh	24/12/2001
0314	Huỳnh Ngọc Anh Thư	23/09/2001
0315	Trần Bá Thành	29/05/2001
0316	Huỳnh Lê Thanh Trúc	03/05/2001
0317	Dương Đình Quốc Trung	21/05/2001
0318	Hồ Ngọc Thanh Tâm	08/11/2001
0319	Nguyễn Như My	25/11/2001
0320	Lê Nguyễn Mạnh Tường	04/08/2001
0321	Võ Thị Yến Nhi	19/10/2001
0322	Nguyễn Hồ Thảo Linh	20/04/2001
0323	Phan Minh Kiệt	19/07/2001

DANH SÁCH THÍ SINH THI FLYERS - 17/03/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	13:30 - 14:45	16:20 - 17:00
Phòng thi:	Flyers 3	Speaking Room 2,3,4,5

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0324	Ngô Minh Phương	10/10/2001
0325	Lê Thành Dinh	30/06/2001
0326	Nguyễn Hoàng Khánh	01/04/2001
0327	Nguyễn Chí Đạt	07/10/2001
0328	Nguyễn Thị Hồng Châu	10/08/2000
0329	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	01/01/2001
0330	Phạm Phương Thảo	29/08/2001
0331	Nguyễn Gia Minh	29/01/2001
0332	Nguyễn Minh Khôi	31/01/2001
0333	Ngô Thanh Ngân	18/06/1999
0334	Châu Quang Huy	09/08/2000
0335	Nguyễn Hồ Nhật Hạ	31/03/2000
0336	Lê Thị Bích Liên	16/02/2000
0337	Lê Vũ Huỳnh Hoa	14/09/2000
0338	Trần Thị Hoàng Uyên	20/04/1999
0339	Nguyễn Quốc Bảo	22/01/2001
0340	Trần Hồng Vy	07/06/2001
0341	Nguyễn Hồng Kim Hưng	05/10/2001
0342	Nguyễn Hoàng Sơn	08/03/2001
0343	Huỳnh Hiếu Minh	28/03/2001

DANH SÁCH THÍ SINH THI FLYERS - 17/03/2012

Môn thi:	Nghe, Đọc - Viết	Nói
Thời gian:	13:30 - 14:45	10:50 - 11:45
Phòng thi:	Flyers 4	Speaking Room 3,4

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

[illegible]

DANH SÁCH THÍ SINH THI KET - 16/06/2012

Môn thi:	Đọc - Viết , Nghe	Nói
Thời gian:	15:00 - 16:50	8:00 - 9:45
Phòng thi:	KET 1	Speaking Room 1,2

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0080	Phan Nguyen Minh Hanh	23/02/2000
0081	Le Tran Thao Trinh	11/02/1999
0082	Vo Thi Hanh Quynh	26/01/1998
0083	Thai Thi Thanh Uyen	02/02/1998
0084	Tran Hoang Chau	10/02/1998
0085	Thai Nhat Phi	30/09/1998
0086	Dang Le Phuc Sang	01/01/1998
0087	Nguyen Hong Thanh	17/02/1998
0088	Dao Thi Kim Ngan	17/05/1996
0089	Nguyen Ngoc Phuong Trinh	24/04/1998
0090	Nguyen Thi Kim Ngan	05/11/1998
0091	Nguyen Thi Quynh Huong	29/03/1999
0092	Doan Gia Han	09/12/1999
0093	Doan Thi Cam Tien	03/02/1998
0094	Huynh Dang Khoa	28/02/1999
0095	Phan Quoc Thang	21/12/1999
0096	Tran Tu Ho	11/05/1999
0097	Tran Huynh Phuong Mai	11/09/1999
0098	Do Ngoc Bich Khanh	15/07/1999

0099	Ho Hoan My	16/03/1999
------	------------	------------

DANH SÁCH THÍ SINH THI KET - 16/06/2012

Môn thi:	Đọc - Viết , Nghe	Nói
Thời gian:	15:00 - 16:50	9:45 - 10:30
Phòng thi:	KET 2	Speaking Room 1,2

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0100	Huynh Phan Bao Ngan	09/02/2000
0101	Ha Le Xuan Yen	05/11/1999
0102	Dang Tam Giang	13/02/2000
0103	Le Gia Khanh	29/08/2000
0104	Le Thien An	19/10/2000
0105	Nguyen Chau Anh Ngoc	21/08/2000
0106	Truong Vo Thao Nhi	10/01/2000
0107	Dang Nguyen Thao Van	08/05/2000
0108	Phan Ngoc Thanh Tu	22/10/2000
0109	Truong Vu Nguyen Uyen	08/04/1999
0110	Phan Hoang Bao Ngan	02/09/1999
0111	Le Phan Yen Ngoc	19/09/1999
0112	Le Xuan Tien	05/03/1999
0113	Tran Ngoc Thuy Vi	20/11/2000
0114	Do Thi Thao Ngan	23/02/1997
0115	Nguyen Chau Ngoc Han	10/07/1999
0116	Huynh Thi Thuy Duong	17/09/2000
0117	Nguyen The Ngoc	15/04/1995
0118	Nguyen Thanh Tam	05/06/1997
0119	Tran Doan Thanh Nguyet	23/03/1999

DANH SÁCH THÍ SINH THI KET - 16/06/2012

Môn thi:	Đọc - Viết , Nghe	Nói
Thời gian:	15:00 - 16:50	10:30 - 11:50
Phòng thi:	KET 3	Speaking Room 1

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
0120	Huynh Hien Khang	09/10/1998
0121	Nguyen Khanh Hung	29/08/1999
0122	Bui Ngoc Minh Chau	30/10/1999
0123	Nguyen Pham Nien Long	18/01/2000
0124	Nguyen Minh Hoang	02/09/1999
0125	Giao Nguyen Cong Danh	23/06/1999
0126	Diep Dinh Khang	22/11/1999
0127	Dang Uyen Trang	17/10/1999
0128	Nguyen Ngoc Dong Thy	09/01/1999
0129	Phan Nguyen Nhu Truc	02/07/1999
0130	Nguyen Anh Nhat Minh	09/12/2000
0131	Duong Dang Phuc Nguyen	22/05/2000
0132	Giang Thao Vy	30/03/1999
0133	Truong Ngoc Minh	23/09/1999
0134	Pham Thi Lan Phuong	06/07/1999
0135	Vo Ngoc Khanh Tu	10/01/1999
0136	Ho Tuyet Ngan	11/08/1999
0137	Pham Thi Ngoc Huyen	01/10/1999

DANH SÁCH THÍ SINH THI PET - 16/06/2012

Môn thi:	Đọc - Viết , Nghe	Nói
Thời gian:	9:40 - 11:55	13:30 - 15:20
Phòng thi:	PET 1	Speaking Room 1

Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
5090	Tran Phu Thi	06/12/1978
5091	Vo Thi Thanh Thuy	13/06/1978
5092	Phan Thi Ngoc Nhung	28/05/1979
5093	Mai Thi Sam	20/05/1981
5094	Le Thanh Phuong	22/02/1980
5095	Nguyen Thi Thanh Truc	31/01/1977
5096	Trieu Thi Quoc Phuong	05/12/1974
5097	Dang Hoang Bich Ngan	15/10/1988
5098	Tran Thi Thuy Linh	15/08/1980
5099	Tran Trung Hieu	15/12/1971
5100	Do Thi Thanh Truc	05/05/1990
5101	Pham Thi Kieu Linh	12/07/1983
5102	Le Thi Truc	28/02/1975
5103	Nguyen Thi Kim Ngau	30/09/1973
5104	Nguyen Thi Hanh Chi	10/05/1980
5105	Nguyen Ngan An	21/05/1997
5106	Le Huynh Minh Thu	26/12/1999
5107	Tran Nguyen Cat Tuong	25/10/1999
5108	Tran Ngoc Hien	30/10/1999
5109	Truong Ngoc Bang	01/04/1999

DANH SÁCH THÍ SINH THI PET - 16/06/2012

Môn thi:	Đọc - Viết , Nghe	Nói
Thời gian:	9:40 - 11:55	15:20 - 17:00
Phòng thi:	PET 2	Speaking Room 1
<i>Thí sinh phải có mặt tại phòng thi trước thời gian thi ít nhất 15 phút</i>		

Số BD	Họ và Tên	Ngày sinh
5110	Nguyen Duc Bao Ngoc	04/10/1999
5111	Phan Khue Hao	16/06/1999
5112	Nguyen Thi Kim Thuy	10/09/1985
5113	Nguyen Huu Thien	27/01/1997
5114	Nguyen Bich Ngan	28/11/1988
5115	Dao Kha Han	14/09/1999
5116	Nguyen Bao Chau	19/01/1999
5117	Nguyen Minh Anh	22/04/1999
5118	Duong Thi Minh Duyen	13/10/1999
5119	Nguyen Thuc An	23/01/1998
5120	Le Thi Hong Tham	28/05/1986
5121	Lieu Thi Kieu Trang	06/05/1987
5122	Ha hong Khuong	11/01/1998
5123	Pham Thi Yen Em	02/03/1985
5124	Tran Le Thai Son	
5125	Nguyen Xuan Khoi	14/06/1998
5126	Tran Thi Nguyet Hao	14/05/1977